

Số: /BNNMT-TSKN  
V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Ủy  
ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc  
hội tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV

*Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025*

Kính gửi:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Cà Mau do Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội chuyển đến tại Văn bản số 1099/UBDNGS15 ngày 29 tháng 7 năm 2025 với nội dung: “Cử tri phản ánh nghề nuôi tôm siêu thâm canh trên địa bàn tỉnh đang gặp rất nhiều khó khăn: giá vật tư tăng, thời tiết bất lợi, dịch bệnh thủy sản phức tạp, môi trường ô nhiễm, giá tôm sụt giảm. Đặc biệt, sau khi Mỹ áp thuế đối với hàng xuất khẩu Việt Nam, giá tôm càng giảm mạnh. Tình trạng thua lỗ kéo dài khiến nhiều hộ nuôi không thể trả nợ ngân hàng, dẫn đến mất khả năng đầu tư vụ mới, kéo theo nguy cơ đổ vỡ chuỗi sản xuất. Trong khi đó, các chính sách hỗ trợ ngành thủy sản hiện còn dàn trải, thiếu cơ chế khẩn cấp ứng phó trước những rủi ro thị trường. Cử tri đề nghị xem xét có chính sách hỗ trợ cấp bách cho người nuôi tôm, nhất là hỗ trợ lãi suất vay, khoan nợ, giãn nợ, đầu tư cải tạo hạ tầng vùng nuôi an toàn sinh học..., để bảo đảm sinh kế cho nông dân và giữ vững ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh” (Câu số 27).

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng cảm ơn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau, Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội đã gửi ý kiến kiến nghị của cử tri tỉnh Cà Mau đến Bộ.

Về kiến nghị này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội và cử tri tỉnh Cà Mau như sau:

Thời gian qua, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm ban hành và chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp, trong đó có chính sách hỗ trợ cho người nuôi tôm như hỗ trợ lãi suất vay, khoan nợ, giãn nợ, đầu tư cải tạo hạ tầng vùng nuôi an toàn sinh học..., để bảo đảm cho nông dân, giữ vững ngành kinh tế mũi nhọn, cụ thể như sau:

### **1. Về hỗ trợ trực tiếp cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nuôi tôm**

Việc hỗ trợ trực tiếp cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nuôi tôm được thực hiện thông qua các chính sách: hỗ trợ sản xuất giống gốc, giống đầu dòng theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030; hỗ trợ hoạt động khuyến nông theo Nghị định

số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp nhằm khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sản xuất thủy sản chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại về tài chính do các rủi ro xảy ra trong quá trình sản xuất (Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/04/2018 của Chính phủ về Bảo hiểm nông nghiệp, Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp); hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh); tín dụng nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ).

Theo đó, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, chủ trang trại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm theo các mức: (a) Tối đa 300 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình; (b) Tối đa 500 triệu đồng đối với tổ hợp tác; (c) Tối đa 03 tỷ đồng đối với chủ trang trại và (d) Tối đa 05 tỷ đồng đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (khoản 2 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 156/2025/NĐ-CP); cho vay tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ hoặc kinh tế tuần hoàn đáp ứng quy định của pháp luật về nông nghiệp hữu cơ hoặc đáp ứng tiêu chí kinh tế (trong đó có nuôi tôm) (Điều 15a Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã được bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 156/2025/NĐ-CP).

## **2. Về hỗ trợ gián tiếp được thực hiện thông qua chính sách đầu tư, đất đai, tài chính, tín dụng ưu đãi, phát triển thị trường**

Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp); khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ (Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ nông nghiệp hữu cơ); hỗ trợ lãi suất để nông dân mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ

về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; ưu đãi thuế cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo Luật Thuế thu nhập cá nhân.

### **3. Về hỗ trợ cấp bách cho người nuôi tôm, nhất là hỗ trợ lãi suất vay, khoan nợ, giãn nợ, đầu tư phát triển sản xuất**

Trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện 02 gói tín dụng áp dụng cho lĩnh vực lâm sản và thủy sản:

a) Gói tín dụng 15.000 tỷ: Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cùng các Bộ và cơ quan liên quan xem xét, xử lý theo quy định đối với kiến nghị về điều chỉnh lãi suất cho vay, cấp tín dụng, cơ cấu lại nợ theo đúng giải pháp tại Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023, đề xuất gói tín dụng 15.000 tỷ để hỗ trợ doanh nghiệp ngành sản xuất, chế biến lâm sản và thủy sản (Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 01/5/2023 của Văn phòng Chính phủ). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chỉ đạo, hướng dẫn 12 ngân hàng thương mại triển khai gói tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản và thủy sản (văn bản số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023), đối tượng vay vốn là tổ chức, cá nhân có phương án, dự án phục vụ cho sản xuất, kinh doanh lâm sản và thủy sản (trong đó có nuôi tôm), lãi suất cho vay ưu đãi (thấp hơn ít nhất 1-2%/năm so với lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của Ngân hàng). Thời hạn: kết thúc 30/6/2024. Chương trình này đã hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, phù hợp với chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất - kinh doanh và thúc đẩy các động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

b) Gói tín dụng 100.000 tỷ: Chính phủ (Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 08/3/2025) và Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025) đã chỉ đạo về việc nâng quy mô chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản và thủy sản lên trên 100.000 tỷ và mở rộng phạm vi, đối tượng tham gia chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm và thủy sản. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hướng dẫn, chỉ đạo 15 ngân hàng thương mại tiếp tục triển khai gói tín dụng cho lĩnh vực nông, lâm và thủy sản. Về nội dung chính sách tiếp tục thực hiện theo chỉ đạo tại Công văn số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023; quy mô tín dụng trên 100.000 tỷ đồng; đối tượng hưởng chính sách là tổ chức, cá nhân có phương án/dự án phục vụ sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm và thủy sản. Thời gian áp dụng cho đến khi doanh số cho vay đạt 100.000 tỷ.

### **4. Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

Chính phủ quy định riêng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (trong đó có thủy sản) tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018. Hiện nay, theo chỉ đạo của Chính phủ giảm tối

đa các thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp về địa phương; quy định các cơ chế chính sách ưu đãi sử dụng, thuê đất đai, mặt bằng kinh doanh, ưu đãi về thuế, hỗ trợ tín dụng, đào tạo lao động, phát triển thị trường, đầu tư cơ sở hạ tầng đến hàng rào doanh nghiệp, ưu tiên hỗ trợ các dự án về liên kết, chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao. Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), các doanh nghiệp nông nghiệp đã đóng góp quan trọng nâng cao trình độ công nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản và thúc đẩy hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, thủy sản, qua đó thúc đẩy nông nghiệp vùng phát triển nhanh, đóng góp lớn vào tăng trưởng nông nghiệp.

Thời gian tới, nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm cần tập trung:

**(i)** Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong vùng; thúc đẩy cơ chế điều phối liên kết vùng và các tiểu vùng. Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện các chương trình, đề án, dự án liên kết thuộc vùng ĐBSCL được phê duyệt.

**(ii)** Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ người sản xuất kinh doanh nông nghiệp tạo động lực mới cho phát triển “*nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”, nhất là chính sách đất đai, đầu tư, hợp tác công tư, tín dụng, bảo hiểm...

**(iii)** Huy động các nguồn lực xã hội, thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư, nhất là doanh nghiệp lớn đầu tư nâng cao năng lực chế biến, chế biến sâu nông sản; thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, kết nối với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài... nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp thực chất và hiệu quả hơn, góp phần thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL theo Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 và Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, danh mục các dự án đầu

tư, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phát triển nuôi trồng thủy sản ưu tiên đầu tư thực hiện giai đoạn 2021-2030 có 16 dự án, trong đó tỉnh Cà Mau có 04 dự án (các dự án thứ tự số 1, 5, 9 và 14 của Phụ lục II Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022).

Để có thể sử dụng và phát huy hiệu quả các chính sách nêu trên, tỉnh Cà Mau chỉ đạo cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh hướng dẫn tổ chức, cá nhân nuôi tôm trên địa bàn tuân thủ các quy định pháp luật về nuôi trồng thủy sản, quy định liên quan khác để đủ điều kiện thực hiện các chính sách hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trân trọng kính gửi Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau để thông tin tới cử tri. Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành của Đoàn đại biểu Quốc hội và cử tri tỉnh Cà Mau trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Cà Mau;
- Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau;
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến;
- Vụ Pháp chế (để tổng hợp, theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng tải trên Cổng TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, TSKN (CTTH).

**Q. BỘ TRƯỞNG**

**Trần Đức Thắng**